

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 29-9-2023

*“Tranh chấp về thừa kế tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Thắng*

*2. Ông Nguyễn Tiến Đức*

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về *“Tranh chấp về thừa kế tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 31/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS ngày 16/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 15/9/2023 và Quyết định thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 25/9/2023, giữa:

\* *Nguyên đơn:* bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1968. Nơi thường trú: khu 7, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

\* *Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. Nơi thường trú: khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, không có lý do.

- Anh Vũ Tài H1, sinh năm 1982. Nơi thường trú: khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, không có lý do.

- Anh Vũ Tài H2, sinh năm 1985. Nơi thường trú: khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, không có lý do.

- Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1987. Nơi thường trú: khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, không có lý do.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1957. Nơi thường trú: khu 7, phường Phong Hải, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Bà Vũ Thị H4, sinh năm 1958. Nơi thường trú: Tổ 4, khu 7B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng. Có mặt;

- Bà Vũ Thị M2, sinh năm 1968. Nơi thường trú: Tổ 6, khu Tân Lập 3, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Vũ Thị M1, Vũ Thị H4, Vũ Thị M2):* bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1968. Nơi thường trú: khu 7, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn - bà Vũ Thị Nh trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Vũ Tài H5 (sinh năm 1931, chết năm 2017) và Vũ Thị L1 (sinh năm 1931, chết năm 1987) trước khi chết đều sống tại xóm 4, xã Phong Cốc, huyện Yên H1 (nay là khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh và để lại di sản là quyền sử dụng 156m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 1970) và các công trình phụ phục vụ sinh hoạt theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số X 225609 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Yên H1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/12/2003 cho hộ ông Vũ Tài H5, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số 45375 QSDĐ, số tờ bản đồ P3, số thửa 252 tại địa chỉ khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, Quảng Ninh. Thửa đất này bố mẹ bà sử dụng ổn định từ năm 1970, không có tranh chấp gì với các hộ liền kề.

Bố mẹ bà Nhiên sinh được 05 người con chung là: Vũ Thị H4, Vũ Tài Sửu (tên gọi khác Vũ Tài Hải, sinh năm 1961 đã chết năm 2019 có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con là Vũ Tài H1, Vũ Tài H2 và Vũ Thị H3), Vũ Thị M1, Vũ Thị M2 và Vũ Thị Nh, ngoài ra không có người con nào khác.

Ngày 08/11/2016, cụ Vũ Tài H5 lập Di chúc và Vi bằng để lại một phần quyền sử dụng đất cho bà (Vũ Thị Nh) có tổng diện tích là 45,5m<sup>2</sup> đất và cháu trai là Vũ Tài H1 (con trai của ông Vũ Tài Hải, tên gọi khác là Vũ Tài Sửu đã chết) một phần quyền sử dụng đất là 45,5m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng diện tích 65m<sup>2</sup> đất còn lại và ngôi nhà trên đất cùng công trình phụ không có di chúc.

Do anh chị em của bà đều có nhà ở riêng nên không ai có nhu cầu sử dụng đất và ngôi nhà của bố mẹ để lại. Bà Nhiên đã nhiều lần bàn với các chị gái và vợ, con ông Vũ Tài Hải để phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của bố mẹ bà để lại theo Di chúc và theo quy định của pháp luật nH1 chỉ có các chị của bà là đồng ý còn bà L, anh H1, anh H2 và chị H3 không đồng ý. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 156m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 1970) và các công trình phụ phục vụ sinh hoạt theo GCNQSDĐ số X 225609 do UBND huyện Yên H1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/12/2003 cho hộ ông Vũ Tài H5, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 45375 QSDĐ, số tờ bản đồ P3, số thửa 252 tại địa chỉ khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, Quảng Ninh theo di chúc của cụ Vũ Tài H5 ngày 08/11/2016 và theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia di sản là quyền sử dụng 173,4m<sup>2</sup> đất theo trích đo của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (trong đó có 156m<sup>2</sup> đất theo GCNQSDĐ và 17.4m<sup>2</sup> đất tăng thêm do sai số tính toán) và tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4 (nhà g) diện tích 39,6m<sup>2</sup>; 01 nhà phụ 1 (nhà p1) diện tích 6,9m<sup>2</sup>; 01 nhà phụ 2 (nhà p2) diện tích 13,6m<sup>2</sup>; 01 bể nước diện tích 6,2m<sup>2</sup>; 01 bể nước nhỏ đầu hồi nhà cấp 4; 01 cổng sắt 02 cánh; 01 hàng rào vườn xây bằng gạch nan hoa; 01 sân lát gạch đỏ 20 x20cm. Về cây trồng trên đất bà không yêu cầu chia, Tòa án phân chia cho ai thì người đó được H4.

**Bị đơn - anh Vũ Tài H1 có quan điểm:** Ông nội của anh là cụ Vũ Tài H5, cụ có 5 người con chung là cô Vũ Thị H4, bố anh Vũ Tài Sửu (tên gọi khác Vũ Tài Hải đã chết), cô Vũ Thị M1, cô Vũ Thị M2 và cô Vũ Thị Nh, ngoài ra ông nội anh không có người con nào khác. Anh là con đẻ của ông Vũ Tài Hải (tức Vũ Tài Sửu), là cháu của cụ Vũ Tài H5, cháu ruột của cô Vũ Thị Nh, bố của anh là anh trai của bà Vũ Thị Nh. Bố anh và mẹ anh (Nguyễn Thị L) có 03 người con chung là Vũ Tài H1, Vũ Tài H2 và Vũ Thị H3, ngoài ra bố mẹ anh không có người con nào khác. Nguồn gốc quyền sử dụng 156m<sup>2</sup> đất ở theo GCNQSDĐ số X 225609 do UBND huyện Yên H1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/12/2003 cho hộ ông Vũ Tài H5, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 45375 QSDĐ, số tờ bản

đồ P3, số thửa 252 tại địa chỉ khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, Quảng Ninh là do cụ ngoại anh mua cho ông bà nội anh. Quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật, anh đề nghị Tòa án để nguyên hiện trạng thửa đất vẫn mang tên cụ Vũ Tài H5 để anh và các cô anh làm nơi thờ cúng cho ông bà nội của anh. Trường hợp phải chia di sản thừa kế thì anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì diện tích đất mà ông nội anh di chúc lại cho anh là quá bé không đủ để làm nơi thờ cúng. Phần di sản thừa kế theo di chúc mà ông nội anh (cụ Vũ Tài H5) đã di chúc lại cho anh là 45,5m<sup>2</sup> và tài sản trên đất anh từ chối nhận di sản này, anh không xứng đáng được H4. Nếu bố anh thuộc diện được H4 di sản thừa kế trong đó anh là người được H4 từ bố thì anh từ chối nhận di sản, phần di sản còn lại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh cam kết nội dung đã trình bày tại Tòa là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày của mình; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, trường hợp xét xử vắng mặt anh, anh đồng ý.

*Bị đơn - bà Nguyễn Thị L gửi đơn trình bày ngày 10/12/2021 và 25/11/2022 có nội dung:* bà là con dâu đã gần 40 năm, bà chưa có quyền hạn gì; di chúc, sổ hộ khẩu, sổ đỏ, giấy sử dụng đất bà không được nhìn thấy, không được biết là đúng hay sai. Bà rơi vào hoàn cảnh nghèo, khó khăn, chồng ốm đau liên miên; chồng chết bà phải trông hai đứa cháu mồ côi nên bà không có điều kiện đi Tòa. Đất của các cụ hay của bố mẹ bà thì xây lên làm nhà thờ cúng các cụ bà không vướng và bà cũng không ký, bà nhờ pháp luật giải quyết sao thì giải quyết. Giờ bà 62 tuổi, mẹ đẻ của bà 90 tuổi bà phải trực chăm không có thời gian đến Tòa đó là lý do chính đáng, nếu sai bà chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà có chồng là ông Vũ Tài Sửu, sinh năm 1961, đã chết. Địa chỉ tại: khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Bà có 03 người con gồm: Vũ Tài H1, sinh năm 1982; Vũ Tài H2, sinh năm 1985 và Vũ Thị H3, sinh năm 1987. Một mình chồng bà là con trai trưởng còn lại là 4 cô con gái, lúc đầu bà cũng chăm lo, chăm sóc cho bố mẹ chồng được một thời gian, sau thì bố mẹ chồng và chồng bà không hợp nhau, vợ chồng bà đã đi mua đất ngoài đồng để ở. Bây giờ các cô kiện mẹ con bà đất cát tranh chấp, mẹ con bà không biết gì cả, đất này các cụ làm nơi thờ cúng không phải của bà, mẹ con bà không tranh và cũng không ký gì cả, đất này chia đều cho 4 người con gái cụ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H4, Vũ Thị M1 và Vũ Thị M2 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cùng có quan điểm:* việc trình bày của bà Vũ Thị Nh về họ tên, năm sinh, năm mất và nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bố mẹ các bà là đúng. Bố mẹ các bà sinh được 5 người con chung gồm Vũ Thị H4, Vũ Tài Sửu (tên gọi khác Vũ Tài Hải, sinh năm 1961 đã chết năm 2019 có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con là Vũ Tài H1, Vũ Tài H2 và Vũ Thị H3), Vũ Thị M1, Vũ Thị M2 và Vũ Thị Nh ngoài ra không có người con nào khác. Bố mẹ các bà sinh thời có để lại tài sản là quyền sử dụng 156m<sup>2</sup> đất ở theo GCNQSDĐ số X 225609 do UBND huyện Yên H1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/12/2003 cho hộ ông Vũ Tài H5, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ 45375 QSDĐ, số tờ bản đồ P3, số thửa 252 tại địa chỉ khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, Quảng Ninh và tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4 (nhà g) diện tích 39,6m<sup>2</sup>; 01 nhà phụ 1 (nhà p1) diện tích 6,9m<sup>2</sup>; 01 nhà phụ 2 (nhà p2) diện tích 13,6m<sup>2</sup>; 01 bể nước diện tích 6,2m<sup>2</sup>; 01 bể nước nhỏ đầu hồi nhà cấp 4; 01 cổng sắt 02 cánh; 01 hàng rào vườn xây bằng gạch nan hoa; 01 sân lát gạch đỏ 20 x20cm và cây trồng trên đất gồm: 03 cây bưởi, 01 cây khế; 01 gốc cây trướng gà.

Nguồn gốc di sản thừa kế là cụ Vũ Tài H5 và cụ Vũ Thị L1 sử dụng ổn định từ năm 1970 và không có tranh chấp, đã được cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật. Ngày 08/11/2016, cụ Vũ Tài H5 lập Di chúc và lập Vi bằng để lại một phần quyền sử

dụng đất là 45,5m<sup>2</sup> đất cho em gái các bà là Vũ Thị Nh và một phần quyền sử dụng đất là 45,5m<sup>2</sup> cho cháu các bà là Vũ Tài H1 (con trai của ông Vũ Tài Hải tên gọi khác là Vũ Tài Sửu). Đề nghị Tòa án ghi nhận di nguyện của cụ Vũ Tài H5 đã ghi trong Di chúc và Vi bằng; phần di sản còn lại để chia theo quy định pháp luật. Do các bà đã có nhà riêng nên các bà đồng ý lập Văn bản nhường quyền nhận di sản thừa kế ngày 04/01/2022 tại Văn phòng công chứng, phần di sản mà các bà được H4 theo quy định pháp luật các bà đồng ý nhận và nhường toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất cho bà Vũ Thị Nh, việc nhường quyền nhận di sản là hoàn toàn tự nguyện mà không đòi hỏi hay khiêu nại gì. Trường hợp, cháu Vũ Tài H1 đã từ chối nhận di sản của cụ Vũ Tài H5 các bà đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần di sản mà các bà được nhận các bà đều tiếp tục nhường quyền sử dụng và quyền sở hữu lại cho bà Vũ Thị Nh. Các bà Vũ Thị H4, Vũ Thị M1 và Vũ Thị M2 đều cam đoan nội dung trình bày là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị của mình và đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà Vũ Thị Nh. Các bà đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của Nguyên đơn (bà Vũ Thị Nh) và không yêu cầu bà Nhiên phải trả lại giá trị hiện vật bằng tiền. Tha thiết mong Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ các bà để lại theo Di chúc và theo pháp luật để bố mẹ các bà được an nghỉ.

\* Thông tin trên GNNQSDĐ thể hiện: GCNQSDĐ số X 225609 do UBND huyện Yên H1, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/12/2003 cho hộ ông Vũ Tài H5, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 45375 QSDĐ, sổ tờ bản đồ P3, sổ thửa 252 tại địa chỉ khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, Quảng Ninh. Thửa đất giới hạn S (ABCD) = 156m<sup>2</sup> có cạnh AB = 12,2m; BC = 13,6m; CD = 13m; DA = 14,4m.

\* Di chúc ngày 08/11/2016 thể hiện nội dung: “Tôi là Vũ Tài H5, sinh năm 1931, có vợ là bà Vũ Thị L1, sinh năm 1931 chết năm 1986 không để lại di chúc, chúng tôi có 05 người con để là: Vũ Thị H4, Vũ Tài Hải, Vũ Thị M1, Vũ Thị M2, Vũ Thị Nh, ngoài ra chúng tôi không có con riêng và con nuôi. Hiện nay, tôi đã tuổi cao, sức khỏe có phần giảm sút, tinh thần vẫn minh mẫn không bị lừa dối, không bị ai ép buộc. Nay tôi lập sẵn bản di chúc này, phòng khi tôi qua đời, căn dặn đôi điều để các con, cháu tôi thực hiện. Trong lúc tôi lập di chúc, tôi yêu cầu Văn phòng thừa phát lại Uông Bí đánh máy giúp và ghi nhận sự kiện lập di chúc. Tài sản của tôi hiện nay gồm có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau: quyền sử dụng đất được UBND huyện Yên H1 cấp GCNQSDĐ số X 225609 sổ vào sổ 45375 QSDĐ cấp ngày 08/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Tài H5. Địa chỉ: xóm 4, xã Phong Cốc (nay là khu 4, phường Phong Cốc), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, tờ bản đồ số P3, sổ thửa 252, diện tích 156m<sup>2</sup>. Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà cấp bốn có 04 gian lợp ngói. Nay tôi lập di chúc để giao một phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tôi như sau: Tôi để lại cho con gái để của tôi là Vũ Thị Nh một phần quyền sử dụng đất có tổng diện tích 45,5m<sup>2</sup> đất nằm trong GCNQSDĐ số X 225609, chị Vũ Thị Nh có toàn quyền sở hữu và định đoạt theo quy định của pháp luật. Tôi để lại cho cháu trai của tôi là Vũ Tài H1 (con trai của Vũ Tài Hải) một phần quyền sử dụng đất có tổng diện tích 45,5m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản gắn liền với đất nằm trong khuôn viên nhà cấp 4 có 04 gian lợp ngói trong GCNQSDĐ số X 225609, cháu Vũ Tài H1 có toàn quyền sở hữu và định đoạt theo quy định của pháp luật. Vị trí quyền sử dụng đất do con gái tôi Vũ Thị Nh và cháu trai là Vũ Tài H1 tự thỏa thuận sau”

\* Vi bằng số 140/2016/VB-TPLUB ngày 08/11/2016 của Văn phòng thừa phát lại Uông Bí ghi nhận sự kiện: Theo yêu cầu của Ông Vũ Tài H5 yêu cầu Thừa phát lại ghi nhận sự việc ông Vũ Tài H5 lập Di chúc để lại một phần quyền sử dụng đất cho con gái để là Vũ Thị Nh, sinh năm 1968, thường trú: khu 7, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh một phần quyền sử dụng đất có tổng diện tích 45,5m<sup>2</sup> đất và cháu trai là Vũ Tài H1 (con trai của Vũ Tài Hải), sinh năm 1982 thường trú: khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh một phần quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất có

tổng diện tích là 45,5m<sup>2</sup> đất tại khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Thừa phát lại có mặt tại phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh ghi nhận: ông Vũ Tài H5 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự cùng tham gia.

\* Văn bản nhường quyền nhận di sản thừa kế, số chứng thực 02, quyền số 01 - SCT/CK, CD ngày 04/01/2022 tại Văn phòng công chứng Mạc Văn Quang có nội dung: Chúng tôi là: Vũ Thị M1, Vũ Thị H4, Vũ Thị M2 xác nhận: Chúng tôi là con đẻ đồng thời là người thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Thị L1, sinh năm 1931, chết 28/01/1987 và ông Vũ Tài H5, sinh năm 1931, chết 14/01/2017. Di sản của bà Vũ Thị L1 và ông Vũ Tài H5 để lại phần quyền sử dụng thừa đất số 252, tờ bản đồ số P3, diện tích 156m<sup>2</sup>, GCNQSDĐ số X 225609, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 45375 do UBND huyện Yên H1 (nay là UBND thị xã Q cấp ngày 08/12/2003 đứng tên hộ ông Vũ Tài H5. Ngoài ra, trên thừa đất có một ngôi nhà cấp 4, lợp ngói diện tích 65m<sup>2</sup> và các công trình phụ sinh hoạt. Bố chúng tôi có để lại di chúc và được lập Vi bằng ngày 08/11/2016, phần tài sản của bố chúng tôi cho Vũ Thị Nh là 45,5m<sup>2</sup> đất ở; cho cháu nội là Vũ Tài H1, sinh ngày 20/11/1982 diện tích 45,5m<sup>2</sup> đất ở. Phần diện tích còn lại là của mẹ chúng tôi không có di chúc (diện tích 65m<sup>2</sup>). Căn cứ theo các quy định của pháp luật, chúng tôi có quyền H4 di sản thừa kế do bà Vũ Thị L1 và ông Vũ Tài H5 để lại. Nay bằng văn bản này, chúng tôi tự nguyện nhường phần di sản thừa kế mà chúng tôi được H4 (của bà Vũ Thị L1 và ông Vũ Tài H5 để lại) nêu trên cho em gái là Vũ Thị Nh, sinh năm 1968. Địa chỉ: khu 7, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chúng tôi cam kết rằng: Việc nhường nhận di sản trên đây không nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản của chúng tôi đối với người khác và từ nay về sau chúng tôi không đòi hỏi hay khiếu nại gì về quyền thừa kế đã nêu. Nếu vi phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi sẽ gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản văn bản nhường quyền H4 di sản này để biết theo quy định của pháp luật. Di sản trên chưa được phân chia theo quy định của pháp luật

\* Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:

(1) Về quyền sử dụng đất: Tờ bản đồ: Phía đông giáp hộ ông Nguyễn Văn Hợp và hộ ông Nguyễn Văn Ngân; phía Tây giáp ngõ đi; phía Nam giáp hộ ông Phạm Văn Ban; phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hữu Tăng. Công chức địa chính xác định vị trí thửa đất thuộc Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3, diện tích 156m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ được UBND huyện Yên H1 cấp GCNQSDĐ số X 225609 số vào sổ 45375 QSDĐ cấp ngày 08/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Tài H5. Địa chỉ: xóm 4, xã Phong Cốc (nay là khu 4, phường Phong Cốc), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Hiện trạng thửa đất theo trích đo diện tích gia đình đang quản lý, sử dụng giới hạn bởi các điểm (1,2...9,1) = 173,7m<sup>2</sup>

(2) Phần tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 lợp mái ngói, tường bong tróc, sập xệ, cửa gỗ (nhà g chính); 01 công trình phụ, mái ngói, tường gạch đỏ (chuồng lợn hoặc nhà vệ sinh); 01 công trình phụ mái ngói không cửa (nhà bếp); 01 bể nước (nửa nổi nửa chìm, chất liệu xi măng); 01 bể nước nhỏ đầu hồi nhà cấp 4; 01 cổng sắt 02 cánh; 01 hàng rào vườn xây bằng gạch nan hoa; 01 sân lát gạch đỏ 20 x20cm.

(3) Cây trồng trên đất: 03 cây bưởi, 01 cây khế; 01 gốc cây trứng gà.

\* Biên bản định giá tài sản thể hiện:

- Về đất: Tại mục I.1.2 phố Kim Liên (Đoạn từ cầu Miếu đến giáp phường Phong Hải) thửa đất liền kề sau vị trí 2 (vị trí 3) hoặc vị trí 1 có lối đi rộng từ 02m đến nhỏ hơn 3m có giá 700.000đ/m<sup>2</sup>. Hệ số điều chỉnh giá đất tại mục (thuộc vị trí 3): I.1.2 có hệ số 2,2. Đất ở: 700.000đ/m<sup>2</sup> x 2,2 x 173,7m<sup>2</sup> = 267.498.000đ

- Về tài sản trên đất: các đương sự có mặt yêu cầu không định giá do tài sản hiện không có ai quản lý, sử dụng, đã hết khấu hao, không còn giá trị, Tòa án quyết định giao cho ai thì người đó được H4.

\* Công văn số 114/UBND ngày 26/5/2023 của UBND phường Phong Cốc, thị xã Q xác định: Trích lục mảnh bản đồ địa chính năm 1996 (tờ bản đồ số P3, thửa 252: 156m<sup>2</sup>); Mảnh bản đồ địa chính năm 2008 (tờ bản đồ số 21, thửa 377: 175,3m<sup>2</sup>).

\* Biên bản làm việc tại UBND phường Phong Cốc, thị xã Q: Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3, diện tích 156m<sup>2</sup> đất ở theo GCNQSDĐ được UBND huyện Yên H1 cấp GCNQSDĐ số X 225609 số vào sổ 45375 QSDĐ cấp ngày 08/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Tài H5. Địa chỉ: xóm 4, xã Phong Cốc (nay là khu 4, phường Phong Cốc), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh không có thông báo về việc thu hồi đất của thị xã Q. Diện tích các thửa đất sau khi tách thửa không nhỏ hơn 4,5m<sup>2</sup> chiều rộng (bám mặt đường) và chiều sâu không nhỏ hơn 4,5m<sup>2</sup> (không kể diện tích lối đi, hệ thống thoát nước, phần diện tích thửa đất nằm trong hành lang an toàn giao thông, hành lang đường ống xăng dầu, hành lang đường điện và hành lang các công trình khác không được phép xây dựng).

Sơ đồ thửa đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện: Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 theo GCNQSDĐ được UBND huyện Yên H1 cấp GCNQSDĐ số X 225609 số vào sổ 45375 QSDĐ cấp ngày 08/12/2003 mang tên hộ ông Vũ Tài H5. Địa chỉ: xóm 4, xã Phong Cốc (nay là khu 4, phường Phong Cốc), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh diện tích 156m<sup>2</sup> đất ở. Theo trang 2 và trang 3 của GCNQSDĐ được giới hạn bởi S (A,B,C,D,A) = 156m<sup>2</sup>, kích thước các cạnh AB = 12,2m<sup>2</sup>; BC=13,6m<sup>2</sup>; CD=13m<sup>2</sup>; DA=14,4m<sup>2</sup>. Sau khi số hóa theo sơ đồ và kích thước cạnh của thửa đất được thể hiện tại trang 3 của GCNQSDĐ thì phần diện tích theo sơ đồ đã số hóa là 176,2m<sup>2</sup> (phần diện tích tăng lên 20,2m<sup>2</sup> do sai số tính toán). Trích đo hiện trạng thửa đất thể hiện: hiện trạng sử dụng đất của gia đình tại thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (ứng thửa mới 377, tờ 21) thì diện tích hiện trạng gia đình đang sử dụng là 173,4m<sup>2</sup>, trong đó:

(1) Phần diện tích theo GCNQSDĐ số X225609, số vào sổ cấp GCN số 45375 do UBND huyện Yên H1 (nay là thị xã Q) cấp cho hộ ông Vũ Tài H5 ngày 08/12/2003 diện tích là 156m<sup>2</sup> đất ở. Sau khi đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất và lồng ghép với GCNSDQĐ đã cấp có sự thay đổi về kích thước cạnh của thửa đất hiện trạng và GCNQSDĐ đã cấp.

(2) Phần diện tích hiện trạng gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (tương ứng thửa mới 377, tờ 21) chưa nằm trong GCNQSDĐ đã cấp diện tích 17,4m<sup>2</sup>.

Văn bản số 2838/UBND-TNMT ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Q về quan điểm trả lời Tòa án nhân dân thị xã Q:

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (tương ứng thửa mới 377, tờ 21) do gia đình ông Vũ Tài H5 sử dụng ổn định từ năm 1970, đất không có tranh chấp, nằm trong khu dân cư.

- Về tính pháp lý: Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (tương ứng thửa mới 377, tờ 21) do hộ ông Vũ Tài H5 sử dụng đã được UBND huyện Yên H1 cấp GCNQSDĐ số X225609, số vào sổ cấp GCN số 45375 cho hộ ông Vũ Tài H5.

- Kết quả đo đạc: Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3, diện tích đo đạc là 173,4m<sup>2</sup> (Trong đó phần diện tích đã được cấp GCNQSDĐ là 156m<sup>2</sup> đất ở, phần diện tích nằm ngoài, trong GCNQSDĐ là 17,4m<sup>2</sup>

-Về ranh giới Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 đã có thay đổi về ranh giới thửa đất so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp GCNQSDĐ.

Quan điểm của UBND thị xã đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 89 Luật đất đai 2013, cụ thể: Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực

tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp đối với những người sử dụng đất liền kề khi cấp hoặc cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với diện tích đất đã được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Người sử dụng đất không phải nộp tiền đối với phần diện tích chênh lệch nhiều hơn nếu có. Trường hợp đo đạc lại mà ranh giới thửa đất có sự thay đổi với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất và diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì phần diện tích chênh lệch nhiều hơn (nếu có) được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 Luật đất đai.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn, bà Vũ Thị Nhiêm tạm ứng án phí sơ thẩm 1.500.000đ. Bà Vũ Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm thay cho bà Vũ Thị H4, Vũ Thị M1 và Vũ Thị M2. Bà Vũ Thị H4, Vũ Thị M1 và Vũ Thị M2 đồng ý

Về tạm ứng chi phí tố tụng: Nguyên đơn (bà Vũ Thị Nh) đã tạm ứng 15.000.000đ lớn hơn chi phí thực tế là 8.900.000đ (gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản); Số tiền còn lại 6.100.000đ Tòa án đã trả lại bà Vũ Thị Nh theo quy định. Bà Vũ Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu ai phải trả lại số tiền này.

Về án phí: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị M1, Vũ Thị H4 là người cao tuổi đều có đơn xin miễn miễn án phí.

Phản tranh luận: Không ai tranh luận.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm định tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Tòa án thụ lý vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” có bị đơn cư trú và đối tượng tranh chấp là bất động sản tại phường Phong Cốc, thị xã Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế đối với 17,4m2 đất tăng thêm do sai số tính toán là có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đề nghị này.

[1.3] Về việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Thị M1: bà Vũ Thị M1 đã có Hợp đồng ủy quyền cho nguyên đơn (bà Vũ Thị Nh) tham gia tố tụng, bà Vũ Thị Nh có mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị L, anh Vũ Tài H1, anh Vũ Tài H2 và chị Vũ Thị H3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét phần diện tích chênh lệch nhiều hơn {(17,4 m<sup>2</sup> đất ở được giới hạn bởi S(1,2,3,11,12,1))}, tăng thêm do sai số tính toán thấy: Thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (tương ứng thửa mới 377, tờ 21) được sử dụng ổn định từ năm 1970 không có tranh chấp đối với những người sử dụng đất liền kề, đất nằm trong khu dân cư, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 17,4m<sup>2</sup> đất ở này chưa nằm trong GCNQSDĐ nH1 là phần diện tích hiện trạng gia đình đang sử dụng thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số P3. Về ranh giới, thửa đất sau khi đo đạc lại đã có sự thay đổi về ranh giới so với ranh giới tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Do đó, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 17,4m<sup>2</sup> đất tăng thêm (sai số do tính toán) **theo quy định của Luật đất đai.**

Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế bổ sung 17,4m<sup>2</sup> đất chênh lệch tăng thêm. Do đó, xác định thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (tương ứng thửa mới 377, tờ 21) có diện tích 173,4m<sup>2</sup> theo số liệu đo đạc thực tế (không phải là 156m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ) làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 173,4m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất theo di chúc và theo pháp luật thấy:

**Các đương sự đều khai thống nhất cụ Vũ Thị L1, sinh năm 1931 chết năm 1987 và cụ Vũ Tài H5, sinh năm 1931, chết năm 2017. Các cụ có 5 người con là Vũ Thị M1, Vũ Thị H4, Vũ Tài Hải (Tên gọi khác là Vũ Tài Sửu, có vợ là Nguyễn Thị L và 03 con con là Vũ Tài H1, Vũ Tài H2 và Vũ Thị H3) đã chết năm 2019; Vũ Thị M2 và Vũ Thị Nh, ngoài ra các cụ không có con riêng và con nuôi.**

**Xác minh tại Công an thị xã Q vào năm 2003 không có tài liệu chứng minh các nhân khẩu của hộ gia đình cụ H5 như vậy xác định thửa đất trên là tài sản chung của cụ H5 và cụ L1**

**Xét bản Di chúc và Vi bằng của cụ Vũ Tài H5 lập đầy đủ các điều kiện có hiệu L nên đây là di chúc hợp pháp.**

**Xét nội dung của bản Di chúc cụ H5 để lại cho bà Vũ Thị Nh một phần quyền sử dụng đất có tổng diện tích 45,5m<sup>2</sup> đất nằm trong GCNQSDĐ số X 225609, để lại cho cháu Vũ Tài H1 (con trai của Vũ Tài Hải) một phần quyền sử dụng đất có tổng diện tích 45,5m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản gắn liền với đất nằm trong khuôn viên nhà cấp 4 có 04 gian lợp ngói trong GCNQSDĐ số X 225609. Tuy nhiên, tại Tòa án anh Vũ Tài H1 đã từ chối nhận di sản, do đó giao cho bà Vũ Thị Nh được H4 45,5m<sup>2</sup> đất ở theo di chúc. Diện tích đất còn lại  $(173,4 - 45,5) = 127,9\text{m}^2$  đất ở còn lại được chia thành 05 kỷ phần theo pháp luật cho các hàng thừa kế của cụ Vũ Tài H5 gồm:**

**- Bà Vũ Thị M1, Vũ Thị H4, Vũ Thị M2, Vũ Thị Nh mỗi người được H4 1 kỳ phần thừa kế là 25,58m<sup>2</sup> đất ở**

**- Bà Nguyễn Thị L, anh Vũ Tài H1, anh Vũ Tài H2 và chị Vũ Thị H3 được H4 1 kỳ phần thừa kế là 25.58m<sup>2</sup> đất ở. Anh Vũ Tài H1 từ chối nhận di sản của cụ Vũ Tài H5 do đó 25,58 đất ở được chia đều cho bà L, anh H2 và chị H3 mỗi người được H4 8,53m<sup>2</sup> làm căn cứ tính án phí.**

**Theo quy định tại tiểu mục a mục 1 Điều 4 chương II Quy định về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất nông nghiệp địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quy định 39/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh là 45m<sup>2</sup>....Do đó, diện tích 25,58m<sup>2</sup> đất ở không đủ điều kiện để cấp GCNSĐĐ cho bà L, anh H2 và chị H3. Phần di sản bà M2, bà M1 và bà H4 được nhận đều nhường quyền lại cho bà Nhiên và không yêu cầu bà Nhiên phải trả lại giá trị hiện vật bằng tiền.**

Do đó, nên giao toàn bộ diện tích đất những người thừa kế được H4 và tài sản trên đất cho bà Nhiên được quyền sử dụng và trả lại giá trị bằng tiền cho bà L, anh H2 và chị H3.

**[3] Về án phí:**

- Bà Vũ Thị Nh, bà Nguyễn Thị L, anh Vũ Tài H2, chị Vũ Thị H3, Vũ Thị M1, Vũ Thị M2 và Vũ Thị H4 đều được chia di sản thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nH1 bà Vũ Thị M1 và bà Vũ Thị H4 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, bà M1 và bà H4 thuộc trường hợp được miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nH1 Tòa án triệu tập họp lệ không đến phiên tòa, Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ nH1 không có văn bản về việc xin miễn án phí. Do đó, thuộc trường hợp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Bà Vũ Thị Nh tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị M2, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tạm ứng án phí đã nộp: Số tiền tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Vũ Thị Nh phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn (bà Vũ Thị Nh) đã nộp 15.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Theo quy định pháp luật, mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí tố tụng theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ 8.900.000đ, HĐXX không đề cập giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244; khoản 1, 5 Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 158; Điều 165, khoản 2 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 612, 613, 620, 624, khoản 2 Điều 628; khoản 1 Điều 643; 649, 651, 652, 659, 660 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ khoản 1; điểm k khoản 4 Điều 95; Điều 167 Luật đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Vũ Thị Nh)

Công nhận một phần Bản di chúc và chia di sản thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

Giao cho bà Vũ Thị Nh được quyền sử dụng 173,4m<sup>2</sup> đất ở (Tứ cận: Phía đông giáp hộ ông Nguyễn Văn Hợp và hộ ông Nguyễn Văn Ngân; phía Tây giáp ngõ đi; phía Nam giáp hộ ông Phạm Văn Ban; phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hữu Tàng) được giới hạn bởi: S(1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1) = 173,4m<sup>2</sup> (Theo trích đo hiện trạng thửa đất kèm Bản án), **cụ thể:**

(1) Phần diện tích theo GCNQSDĐ số X225609, sổ vào sổ cấp GCN số 45375 do UBND huyện Yên H1 (nay là thị xã Q) cấp cho hộ ông Vũ Tài H5 ngày 08/12/2003 diện tích là 156m<sup>2</sup> (đất ở) giới hạn bởi S(3,4,5,6,7,8,9,10,11,3).

(2) Phần diện tích hiện trạng gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ P3 (trùng thửa mới 377, tờ 21) chưa nằm trong GCNQSDĐ đã cấp diện tích 17,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi S(1,2,3,11,12,1).

Giao cho bà Vũ Thị Nh được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 (nhà g) diện tích 39,6m<sup>2</sup>; 01 nhà phụ 1 (nhà p1) diện tích 6,9m<sup>2</sup>; 01 nhà phụ 2 (nhà p2) diện tích 13,6m<sup>2</sup>; 01 bể nước diện tích 6,2m<sup>2</sup>; 01 bể nước nhỏ đầu hồi nhà cấp 4; 01 công sắt 02 cánh; 01 hàng rào vườn xây bằng gạch nan hoa; 01 sân lát gạch đỏ 20 x20cm và cây trồng trên đất gồm: 03 cây bưởi, 01 cây khế; 01 gốc cây trứng gà.

Bà Vũ Thị Nh được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký theo quy định pháp luật.

Bà Vũ Thị Nh phải trả cho bà Nguyễn Thị L, anh Vũ Tài H2 và chị Vũ Thị H3 tổng số tiền 39.393.200đ (Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu L pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong mà người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

\* Về án phí:

- Bà Vũ Thị Nh chịu 5.473.160đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với di sản bà Nhiên được H4 và chịu 1.970.000đ (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tự nguyện nộp cho bà Vũ Thị M2. Tổng cộng là 7.443.160đ (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn một trăm sáu mươi đồng) được trừ đi 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010119 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q; Bà Vũ Thị Nh còn phải chịu 5.943.160đ (Năm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L, anh Vũ Tài H2 và chị Vũ Thị H3 liên đới chịu 1.970.000đ (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Vũ Thị M1 và bà Vũ Thị H4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

\* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Vũ Thị Nh tự nguyện chịu toàn bộ 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm nghìn đồng) bà Nh đã nộp đủ, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKS, CCTHADS Tx. Q;
- TAND, VKS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

